TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 5 - 2024
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi.
2. Ông Lý Văn Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 374/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 101/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: Ấp Tràm L, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
2. Bị đơn: Bà Hà Thị S, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: Ấp Tràm L, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Ông R xin vắng mặt; Bà S vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 08 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày: Ông Nguyễn Văn R và bà Hà Thị S chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 07 tháng 12 năm 2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay ông R xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn bà S.

Về con chung: Ông R khai, ông R và bà S chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2002. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông R khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông R khai, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Hà Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà S không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của bà S về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn bà Hà Thị S có hộ khẩu thường trú tại ấp Tràm L, xã Mỹ Hạnh B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R xin vắng mặt và bị đơn bà Hà Thị S vắng mặt không lý do nên nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông R và bà S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn R và bà Hà Thị S chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 07 tháng 12 năm 2001 nên quan hệ hôn nhân của bà S và ông R được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp. Nay ông R xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn bà S. Ngược lại, bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa ông R và bà S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, ông R yêu cầu được ly hôn với bà S là phù hợp theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông R khai, ông R và bà S chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2002. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành nên ông R không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Ông R khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Ông R khai, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, bà S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn R phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R xin ly hôn với bà Hà Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn R được ly hôn với bà Hà Thị S.

Về con chung: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2002 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét

Về tài sản chung: Ông R khai, tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Ông R khai, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà ông R đã nộp theo biên lai số 0645 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, ông R và bà S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện.
- TAND tỉnh Long An.
- UBND xã Định A, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
- Lưu HS.

Mai Văn Hiệp